

THÀNH PHẦN LOÀI VÀ PHÂN BỐ THEO SINH CẢNH SỐNG CỦA MỘT SỐ LOÀI THÚ NHỎ TẠI VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

Trần Văn Dũng¹, Vũ Tiến Thịnh², Giang Trọng Toàn^{3,4}, Tạ Tuyết Nga⁴

Nguyễn Hữu Văn⁵, Đinh Văn Thịnh⁶

^{1,2,3,4,5,6}Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện vào tháng 3 và tháng 4 năm 2016 tại VQG Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh nhằm xác định thành phần loài và phân bố theo sinh cảnh của các loài thú nhỏ thuộc 6 bộ: Cánh da (Dermoptera), Thỏ (Lagomorpha), Chuột voi (Erinaceomorpha), Chuột chù (Soricomorpha), Nhiều răng (Scandentia) và bộ Gặm nhấm (Rodentia). Các phương pháp nghiên cứu gồm điều tra theo tuyến, bắt thả bằng bẫy lồng được sử dụng để điều tra và xác định tình trạng của các loài thú nhỏ tại thực địa. Bên cạnh đó, các thông tin về các loài thú nhỏ còn được thu thập qua phương pháp phỏng vấn. Kết quả điều tra đã ghi nhận 19 loài, 8 họ và 5 bộ thú nhỏ tại VQG Vũ Quang theo các tiêu chí lựa chọn đối tượng nghiên cứu. Ngoài ra, sinh cảnh sống và phân bố của các loài thú nhỏ cũng được xác định trong đợt điều tra này, trong đó sinh cảnh rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh có nhiều loài cư trú nhất. Sinh cảnh rừng hỗn giao gỗ - tre nứa là dạng sinh cảnh có ít các loài thú nhỏ cư trú hơn so với các dạng sinh cảnh khác. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp các thông tin hữu ích về tình trạng, các sinh cảnh phân bố các loài thú nhỏ phục vụ công tác bảo tồn tài nguyên rừng tại VQG Vũ Quang.

Từ khóa: Bảo tồn, đa dạng sinh học, thú nhỏ, Vũ Quang.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thú nhỏ là các loài thú có khối lượng cơ thể trưởng thành dưới 5 kg (Shukor Md.Nor, 2001). Các loài thú nhỏ là các mắt xích quan trọng trong các chuỗi và mạng lưới thức ăn, có giá trị về mặt thực phẩm, dược liệu và khoa học. Bên cạnh đó, các loài thú nhỏ rất nhạy cảm với sự biến đổi của môi trường nên mức độ đa dạng của chúng là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá diễn biến của môi trường (Đỗ Quang Huy và cộng sự, 2009). Tuy nhiên, thông tin về các loài thú nhỏ hiện nay còn hạn chế, các nghiên cứu mới chủ yếu tập trung vào các loài thú lớn, các loài thú có giá trị kinh tế.

Nhằm bảo vệ tài nguyên rừng, Việt Nam đã thành lập trên 160 khu rừng đặc dụng từ Bắc đến Nam. Vườn Quốc gia (VQG) Vũ Quang cũng nằm trong hệ thống này, được thành lập năm 2002 và nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ. Đây là khu vực có nguồn tài nguyên đa dạng và nhiều loài đặc hữu nhất của cả nước. Từ khi thành lập đến nay, VQG Vũ Quang được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước tiến hành nghiên cứu về

tài nguyên động, thực vật rừng. Gần đây nhất có một số công trình nghiên cứu được thực hiện bởi Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Bắc Trung Bộ (2005), Phạm Quốc Bảo (2009) đã ghi nhận được 586 loài động vật có xương sống bao gồm 94 loài thú, 315 loài chim, 58 loài bò sát, 31 loài ếch nhái và 88 loài cá. Trong số đó có nhiều loài là những nguồn gen quý hiếm, có giá trị bảo tồn như Voi châu Á (*Elephas maximus*), Bò tót (*Bos frontalis*), Voọc hà tĩnh (*Trachypithecus hatinhensis*...) và nhiều loài thú vừa được ghi nhận trong những năm gần đây như Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*), Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), Thỏ vằn (*Nesolagus timminsi*). Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu về thành phần loài và đặc điểm phân bố theo sinh cảnh của các loài thú nhỏ tại VQG Vũ Quang. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm cung cấp các thông tin về thành phần các loài và sự phân bố theo các dạng sinh cảnh khác nhau của các loài thú nhỏ có phân bố tại VQG Vũ Quang. Hơn nữa, kết quả của nghiên cứu còn là cơ sở để phục vụ công tác quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học tại khu vực.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này chỉ tiến hành trên đối tượng thú nhỏ không bay thuộc 6 bộ: Cánh da (Dermoptera), Thỏ (Lagomorpha), Chuột voi (Erinaceomorpha), Chuột chù (Soricomorpha), Nhiều răng (Scandentia) và bộ Gặm nhấm (Rodentia).

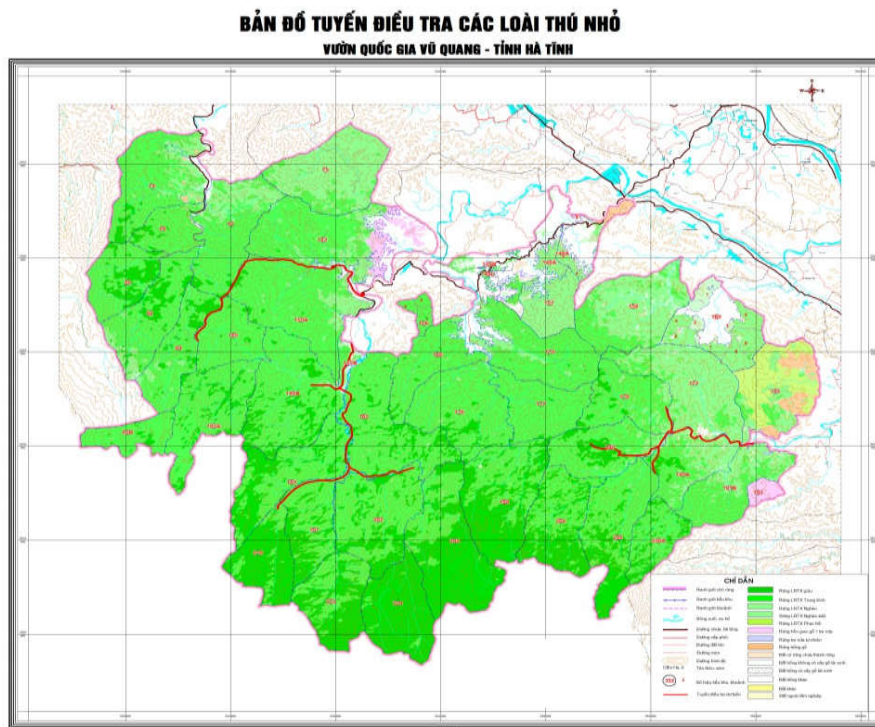
2.2. Phương pháp phỏng vấn

Trong nghiên cứu này, 30 người là cán bộ quản lý VQG, thợ săn, người dân đi rừng có kinh nghiệm, sống xung quanh VQG Vũ Quang được phỏng vấn nhằm lựa chọn các tuyến điều tra phù hợp và thu thập các thông tin ban đầu về thành phần loài và vùng phân bố của các loài thú nhỏ. Các câu hỏi được thiết kế

dưới dạng các phiếu phỏng vấn và được ghi đầy đủ thông tin sau khi kết thúc phỏng vấn. Bên cạnh đó, hình ảnh về các loài thú nhỏ cũng được sử dụng để kiểm tra lại các thông tin sau khi các đối tượng phỏng vấn đã cung cấp các đặc điểm về loài.

2.3. Phương pháp tuyến điều tra

Ba tuyến điều tra thú nhỏ được thực hiện tại vùng lõi của VQG Vũ Quang nhằm ghi nhận thành phần loài và sinh cảnh sống của các loài thú nhỏ trong khu vực nghiên cứu. Mỗi tuyến điều tra có chiều dài 4 - 5 km đi qua nhiều dạng sinh cảnh khác nhau, trên mỗi tuyến điều tra lập các tuyến phụ có chiều dài 300 - 500 m (hình 01).



Hình 01. Bản đồ các tuyến điều tra thú nhỏ tại VQG Vũ Quang

Trong quá trình điều tra trên tuyến, các thông tin về loài như tên loài, số lượng, dấu hiệu, tọa độ ghi nhận, thời gian, sinh cảnh ghi nhận... được ghi chép vào bảng biểu thiết kế sẵn và sổ tay ngoại nghiệp, hình ảnh của các loài cũng được chụp lại nếu có thể.

2.4. Phương pháp bắt bằng bẫy lồng

Phương pháp bắt bằng bẫy lồng để xác định

thành phần các loài thú nhỏ thường sống chui lủi, khó phát hiện trong quá trình điều tra trên tuyến, đặc biệt ở các khu vực có địa hình hiểm trở. Trong nghiên cứu này, 60 bẫy lồng bằng sắt có kích thước dài, rộng, cao tương ứng là: 29 x 14,5 x 14,5 cm được bố trí đều trên 3 tuyến điều tra (20 bẫy/tuyến). Các bẫy lồng được đặt trên các tuyến điều tra phụ theo hình

xương cá với khoảng cách các bẫy cách nhau 20 – 25 m/bẫy. Các bẫy được đặt trong 3 ngày liên tục và được kiểm tra thường xuyên vào sáng sớm và chiều tối để thu mẫu và thay mồi. Các mẫu thu được được xác định tên loài, đo đếm các chỉ tiêu về dài thân, dài đuôi, cao tai, giới tính, mô tả đặc điểm, được đánh dấu và thả lại tại nơi bẫy bắt. Thông tin thu thập được ghi chép vào bảng biểu thiết kế sẵn và số tay ngoại nghiệp.

2.5. Xử lý số liệu

Thành phần các loài thú nhỏ tại VQG Vũ Quang được ghi nhận qua 5 nguồn thông tin là: (1) tài liệu ghi nhận từ các nghiên cứu trước đó về các loài thú nhỏ có trong khu vực; (2) các nguồn thông tin phỏng vấn đáng tin cậy và được kiểm chứng thông qua tài liệu và điều tra hiện trường; (3) Quan sát được loài thông qua điều tra theo tuyến; (4) mẫu vật về thú nhỏ được lưu giữ tại bảo tàng của VQG Vũ Quang hoặc trong các hộ gia đình, (5) thú nhỏ bẫy bắt thu được bằng lồng. Hệ thống phân loại, tên khoa học và tên phổ thông của các loài thú nhỏ được cập nhật theo Wilson and Reader trong Nguyễn Xuân Đăng và Lê Xuân Cảnh (2009). Các loài thú nhỏ thu được từ ngoài thực địa được định loại bằng sách hướng dẫn nhận biết có hình vẽ màu của Francis (2008); Darrin Lunde và Nguyễn Trường Sơn (2001).

Tình trạng của các loài thú nhỏ quý hiếm được đánh giá dựa trên 4 tài liệu đang được sử dụng phổ biến hiện nay: Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ thế giới (IUCN - Redlist, 2016), Nghị định 32/NĐ-CP (2006) và Công ước CITES (2015).

Sinh cảnh sống của các loài thú nhỏ trong khu vực nghiên cứu được thu thập dựa trên nền bản đồ kiểm kê rừng năm 2013. Vùng phân bố của các loài thú nhỏ theo sinh cảnh sống được thống kê từ các nguồn thông tin ghi nhận về loài và dựa trên tài liệu của Nguyễn Xuân Đăng và Lê Xuân Cảnh (2009). Mức độ khác biệt giữa các dạng sinh cảnh sống của các loài

thú nhỏ được tính toán hệ số tương tự giữa các sinh cảnh độc lập theo công thức sau:

$$X = \frac{2c}{a+b}$$

Trong đó: c là số loài có phân bố ở cả hai sinh cảnh quan tâm, a là số loài của sinh cảnh 1, b là số loài của sinh cảnh 2. Hệ số tương tự càng lớn thì sự khác biệt giữa các sinh cảnh càng nhỏ.

Xác định các sinh cảnh ghi nhận được các loài thú nhỏ dựa vào tọa độ ghi nhận trên thực địa và bản đồ Kiểm kê rừng năm 2013 bao gồm: Sinh cảnh rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh (LRTX): Đây là dạng sinh cảnh phổ biến nhất trong khu vực nghiên cứu, có đa dạng sinh học cao tổ thành loài khá phong phú gồm các loài cây thuộc họ Dẻ (Fagaceae), họ Vang (Meliaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Côm (Elaeocarpaceae).v.v. Thảm thực vật ở dạng sinh cảnh này có độ che phủ cao, cấu trúc tầng thứ khá đa dạng. Để phân chia các sinh cảnh rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo và rừng phục hồi, nghiên cứu dựa vào vị trí tọa độ GPS ghi nhận được các loài và bản đồ Kiểm kê rừng năm 2013. Sinh cảnh rừng hỗn giao gỗ - tre nứa: Hệ thực vật được bao phủ bởi những loài thuộc họ tre nứa xen lẫn là những cây gỗ như Sến mật, Giổi, Re hương... Trước đây một số diện tích của khu vực này là địa bàn sinh sống hoạt động của người dân nhưng hiện nay ít bị tác động của con người nên khá rậm rạp. Sinh cảnh trảng cỏ cây bụi (đất chưa có rừng): Sinh cảnh này chủ yếu tập trung bởi các khu vực đất trống, các trảng cây bụi với thành phần chính chủ yếu là như Ba soi, Lòng mang, Chuối rừng...

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần các loài thú nhỏ tại VQG Vũ Quang

Trong tổng số 6 bộ thú nhỏ được lựa chọn là đối tượng nghiên cứu, kết quả điều tra đã ghi nhận được 5 bộ với 8 họ và 19 loài từ các nguồn thông tin khác nhau (bảng 01).

Bảng 01. Danh sách các loài thú nhỏ được ghi nhận tại VQG Vũ Quang

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Nguồn thông tin	Tình trạng bảo tồn			
				IUCN (2016)	SDVN (2007)	ND32 (2006)	CITES (2015)
I	Bộ Nhiều Răng	Scandentia					
	1. Họ Đồi	Tupaiaidae					
1	Đồi	<i>Tupaia belangeri</i> (Wagner, 1841)	QS, BB, PV, TL				II
II	Bộ Cánh Da	Dermoptera					
	2. Họ Chồn Dơi	Cynocephalidae					
2	Cây bay	<i>Galeopterus variegatus</i> (Audebert, 1799)	PV, TL		EN	IB	
III	Bộ Thỏ	Lagomorpha					
	3. Họ Thỏ Rừng	Leporidae					
3	Thỏ nâu	<i>Lepus peguensis</i> (Blyth, 1855)	PV, TL				
4	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timminsi</i> (Averianov, Abramov & Tikhonov, 2000)	MV, PV, TL	DD	EN	IB	
IV	Bộ Chuột Voi	Erinaceomorpha					
	4. Họ Chuột Voi	Erinaceidae					
5	Chuột voi đồi	<i>Hylomys suillus</i> (Müller, 1840)	TL				
V	Bộ Gặm Nhấm	Rodentia					
	5. Họ Sóc	Sciuridae					
6	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i> (Sparrman, 1778)	QS, MV, PV, TL	NT	VU		II
7	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i> (Hodgson, 1836)	PV, TL		VU	IIB	
8	Sóc bay bé	<i>Hylopetes spadiceus</i> (Blyth, 1847)	TL			IIB	
9	Sóc bay trâu	<i>Petaurista philippensis</i> (Elliot, 1839)	PV, TL		VU		
10	Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i> (Pallas, 1779)	QS, MV, PV, TL				
11	Sóc bụng xám	<i>Callosciurus inornatus</i> (Gray, 1867)	PV, TL				
12	Sóc mõm hung	<i>Dremomys rufigenis</i> (Blanford, 1878)	PV, TL				
13	Sóc chuột lửa	<i>Tamiops rodolphii</i> (Milne-Edwards, 1867)					
	6. Họ Dúi	Spalacidae					
14	Dúi mốc lớn	<i>Rhizomys pruinosus</i> (Blyth, 1851)	QS, BB, MV, PV, TL				
	7. Họ Chuột	Muridae					
15	Chuột mốc lớn	<i>Berylmys bowersi</i> (Anderson, 1879)	QS, PV, TL				

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Nguồn thông tin	Tình trạng bảo tồn			
				IUCN (2016)	SDVN (2007)	NĐ32 (2006)	CITES (2015)
16	Chuột xu - ri	<i>Maxomys surifer</i> (Miller, 1900)	TL				
17	Chuột hươu bé	<i>Niviventer fulvescens</i> (Gray, 1847)	QS, BB, PV, TL				
8. Họ Nhím		Hystricidae					
18	Nhím đuôi ngắn	<i>Hystrix brachyura</i> (Linnaeus, 1758)	PV, TL				
19	Đon	<i>Atherurus macrourus</i> (Linnaeus, 1758)	PV, TL				

Ghi chú:

Nguồn thông tin: QS - quan sát; BB - bẫy bắt; MV - mẫu vật; PV - phòng vấn; TL - Tài Liệu

Tình trạng: SDVN – Sách đỏ Việt Nam; IUCN – Sách đỏ thế giới; NĐ32 – Nghị định 32 quy định về quản lý các loài động thực vật rừng nguy cấp quý hiếm; CITES – Công ước quốc tế về buôn bán động thực vật hoang dã.

+ CR: Loài ở cấp rất nguy cấp; EN: Loài ở cấp nguy cấp; VU: Loài ở cấp sẽ nguy cấp; NT: Gần bị đe dọa;

+ IB: Động vật rừng cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại;

+ IIB: Động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Việc ghi nhận các loài thú nhỏ có phân bố tại khu vực trong đợt điều tra là rất đáng tin cậy, với 84,2% tổng số loài được ghi nhận từ 2 nguồn thông tin trở lên và đặc biệt có 36,8% tổng số loài được quan sát trực tiếp, bẫy bắt được hoặc hiện đang lưu giữ mẫu vật tại phòng bảo tàng của VQG Vũ Quang. Đợt điều tra không ghi nhận sự xuất hiện của loài thú nhỏ mới nào tại VQG Vũ Quang so với các tài liệu trước đó.

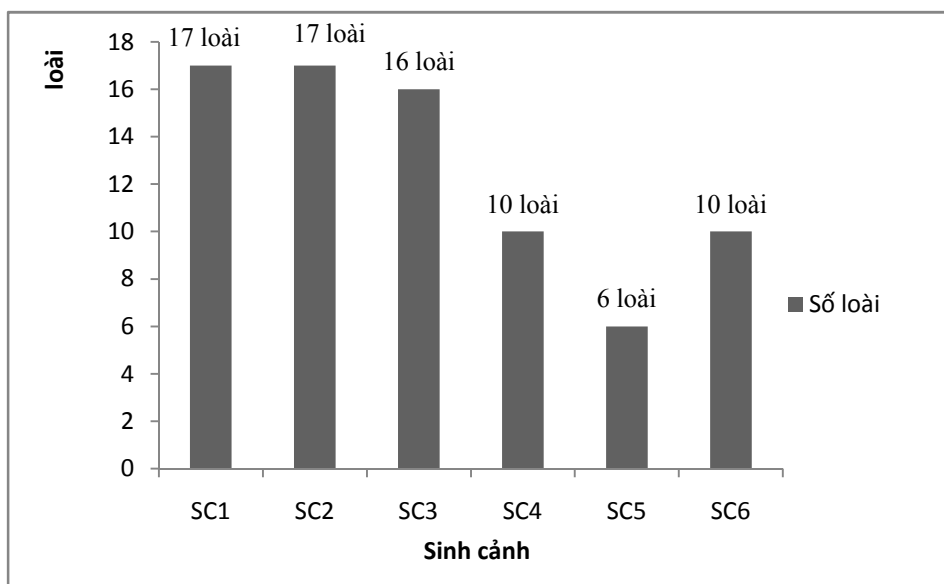
Trong tổng số 5 bộ thú nhỏ đã ghi nhận, đa dạng nhất là bộ Gặm nhấm (*Rodentia*) với 4 họ, 14 loài chiếm 50% tổng số họ và 73,7% tổng số loài được ghi nhận trong nghiên cứu này. Mức độ đa dạng của bộ Gặm nhấm (*Rodentia*) ở VQG Vũ Quang cũng được phản ánh từ mức độ đa dạng chung của bộ thú nhỏ này ở Việt Nam và các điều kiện thuận lợi cho sự cư trú của các loài tại khu vực nghiên cứu.

Về tình trạng của các loài, 7 trong tổng số 19 loài thú nhỏ được ghi nhận tại VQG Vũ Quang hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng hoặc được bảo vệ trong các văn bản pháp luật, cụ

thể: 5 loài thuộc SDVN năm 2007 (trong đó có 3 loài thuộc NĐ32/NĐ-CP, 2006; 2 loài thuộc IUCN và 01 loài thuộc Công ước CITES, 2015; ngoài ra có 02 loài khác thuộc NĐ32 và Công ước CITES). Các loài thú có giá trị bảo tồn cao điển hình là loài Cầy bay (*Galeopterus variegatus*) và loài Thỏ vằn (*Nesolagus timminsi*).

3.2. Đặc điểm phân bố các loài thú nhỏ theo sinh cảnh sống

Kết quả điều tra đã xác định được 6 sinh cảnh sống chủ yếu của các loài thú nhỏ tại VQG Vũ Quang đó là: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh giàu (SC1); Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình (SC2), Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (SC3); Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (SC4); Rừng tự nhiên hỗn giao gỗ tre nứa (SC5); Trảng cỏ cây bụi (SC6). Tổng hợp kết quả điều tra phân bố của các loài trên các sinh cảnh được thể hiện trong hình 02.



Hình 02. Biểu đồ biểu diễn tổng số các loài thú nhỏ được ghi nhận tại các sinh cảnh

Các loài thú nhỏ tại VQG Vũ Quang được ghi nhận chủ yếu tại sinh cảnh rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh và ít phân bố nhất là sinh cảnh rừng hỗn giao gỗ và tre nứa. Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX (giàu, trung bình, nghèo) có nhiều nguồn thức ăn như hoa quả, côn trùng, động vật nhỏ... nhiều hang hốc

để lẩn tránh kẻ thù phù hợp với nhiều loài thú nhỏ. Ngoài ra, đặc điểm sinh thái của từng loài cũng là yếu tố tạo nên sự chênh lệch về vùng phân bố của các loài thú nhỏ trong khu vực nghiên cứu. Sự phân bố của các loài thú nhỏ theo sinh cảnh sống được trình bày trong bảng 02.

Bảng 02. Sự ghi nhận của các loài thú nhỏ theo các dạng sinh cảnh tại khu vực nghiên cứu

STT	Tên phổ thông	SC1	SC2	SC3	SC4	SC5	SC6	Nguồn thông tin
1	Chồn bay	+	+					TL, PV
2	Chuột hươu bé	+	+	+	+	+	+	MV, PV, TL
3	Chuột mốc lớn	+	+	+		+		QS, PV, TL
4	Chuột voi đồi	+	+	+	+	+	+	TL
5	Chuột xuri	+	+	+				TL
6	Đồi	+	+	+	+		+	QS, MV, PV, TL
7	Don	+	+	+	+		+	PV, TL
8	Dúi mốc lớn					+		MV, PV, TL
9	Nhím	+	+	+	+		+	PV, TL
10	Sóc bay bé	+	+	+				TL
11	Sóc bay đen trắng	+	+	+				TL, PV
12	Sóc bay trâu	+	+	+	+			TL, PV
13	Sóc bụng đỏ	+	+	+	+	+	+	QS, PV, TL
14	Sóc bụng xám	+	+	+			+	PV, TL
15	Sóc chuột lửa	+	+	+	+		+	TL

STT	Tên phổ thông	SC1	SC2	SC3	SC4	SC5	SC6	Nguồn thông tin
16	Sóc đen	+	+	+				QS, PV, TL
17	Sóc mõm hung	+	+	+	+		+	PV, TL
18	Thỏ nâu			+	+	+	+	TL, PV
19	Thỏ vằn	+	+					TL, PV

Ghi chú: TL – nguồn thông tin về sinh cảnh sống theo Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009);

SC 1: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh (LRTX) giàu;

SC 2: Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình;

SC 3: Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo;

SC 4: Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi;

SC 5: Rừng tự nhiên hỗn giao gỗ tre nửa;

SC 6: Trảng cỏ cây bụi.

Các loài thú nhỏ được ghi nhận trong nghiên cứu này có sinh cảnh sống khá rộng với từ 2 đến 6 sinh cảnh sống tại VQG Vũ Quang (ngoại trừ loài Dúi mốc lớn (*Rhizomys pruinosus*) chỉ thích hợp với rừng tre nửa). Mức độ đa dạng về sinh cảnh sống của các loài thú nhỏ giúp chúng có thể thích ứng với những

thay đổi bất lợi do con người hoặc do cách tranh về nguồn thức ăn và nơi ở.

Đánh giá mức độ khác biệt giữa các dạng sinh cảnh sống của các loài thú nhỏ trong khu vực nghiên cứu được tổng hợp trong bảng 03 thông qua xác định hệ số tương tự giữa các sinh cảnh.

Bảng 03. Hệ số tương tự giữa các sinh cảnh theo sự phân bố của các loài thú nhỏ

Sinh cảnh	SC1	SC2	SC3	SC4	SC5	SC6
SC1	1,000	1,000	0,909	0,667	0,348	0,667
SC2		1,000	0,909	0,667	0,348	0,667
SC3			1,000	0,769	0,455	0,769
SC4				1,000	0,500	0,900
SC5					1,000	0,500
SC6						1,000

Từ bảng 03 cho thấy: sinh cảnh rừng tự nhiên lá rộng thường xanh giàu, trung bình và nghèo có hệ số tương tự cao nên ít có sự khác biệt về phân bố loài giữa 3 sinh cảnh này, đặc biệt là sinh cảnh 1 và sinh cảnh 2. Do vậy, cả 3 sinh cảnh này có thể gộp chung thành 01 dạng sinh cảnh là rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh. Sinh cảnh rừng hỗn giao tre nửa – gỗ là dạng sinh cảnh có nhiều sự khác biệt nhất với các sinh cảnh khác do có thành phần thực vật kém đa dạng chỉ thích hợp với một số loài có nguồn thức ăn đặc trưng. Sinh cảnh rừng phục hồi và sinh cảnh trảng cỏ cây bụi cũng có sự khác biệt khá lớn, bởi đây là các

sinh cảnh bị tác động mạnh bởi điều kiện ngoại cảnh, đặc biệt là con người nên nhiều loài thú nhỏ không sống ở dạng sinh cảnh này.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả của nghiên cứu đã ghi nhận 19 loài thú nhỏ thuộc 8 họ và 5 bộ từ các nguồn thông tin đáng tin cậy đã cập nhật được tình trạng của các loài cho khu vực nghiên cứu. Trong đó, bộ Gặm nhấm (*Rodentia*) được xác định là bộ thú nhỏ có số lượng loài lớn nhất trong khu vực.

Các loài thú nhỏ được ghi nhận tại VQG Vũ Quang sinh sống chủ yếu ở sinh cảnh rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh. Sinh cảnh rừng hỗn giao gỗ và tre nửa là sinh cảnh

có ít loài thú nhỏ cư trú hơn so với các sinh cảnh khác. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để xác định sinh cảnh điều tra phù hợp cho nghiên cứu tiếp theo và bổ sung thông tin vào công tác bảo tồn tài nguyên rừng tại VQG Vũ Quang.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến IDEA WILD đã hỗ trợ kinh phí và thiết bị điều tra thực địa để chúng tôi hoàn thành tốt các cuộc điều tra thực địa của nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ khoa học và Công nghệ (2007). *Sách đỏ Việt Nam (phần I: Động vật)*. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Phạm Quốc Bảo (2009). *Điều tra thành phần thú ở Vườn quốc gia Vũ Quang - Hà Tĩnh*. Khóa luận tốt nghiệp Khoa học Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh.

3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). *Nghị định số: 32/2006/NĐ-CP, ngày 30/3/2006 của Thủ tướng chính phủ về: Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*.

4. Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009). *Phân loại học lớp thú (Mammalia) và đặc điểm khu hệ thú hoang dã Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

5. Darrin Lunde and Nguyen Truong Son (2001). *An identification guide to rodents of Viet Nam*. Copyright © 2001 American Museum of Natural History, ISBN 1-930456-09-2

6. Francis, C. M., 2008. *A Guide to the Mammals of Southeast Asia*. USA: Princeton University Press.

7. Shukor Md.Nor (2001). *Elevational Diversity Patterns of Small Mammals on Mount Kinabalu, Sabah, Malaysia*. Global Ecology and Biogeography, Vol. 10, No. 1, Special Issue: Diversity Patterns in Small Mammals among Elevational Gradients (Jan., 2001), pp. 41-62.

SPECIES COMPOSITION AND DISTRIBUTION BASED HABITATS OF SMALL MAMMALS IN VU QUANG NATIONAL PARK, HA TINH PROVINCE

**Tran Van Dung¹, Vu Tien Thinh², Giang Trong Toan³, Ta Tuyet Nga⁴,
Nguyen Huu Van⁵, Dinh Van Thinh⁶**

^{1,2,3,4,5,6} Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

This study was conducted in March and April 2016 in Vu Quang National Park, Ha Tinh province to estimate the species composition and distribution based habitat of small mammals belonging to 6 orders: Dermoptera, Lagomorpha, Erinaceomorpha, Soricomorpha, Scandentia and Rodentia. Two methods that were line transects survey and recaptured by cage are used to investigate and determine small mammals' status in study field. Besides, essential information was inherited from interviews. The study has pointed out 19 species, 8 families and 5 orders of small mammals in Vu Quang National Park based on selecting study objects criteria. Moreover, habitats and distribution of objects were also determined, in which natural evergreen broad leaved wood forest is habitat of almost species. The mixed broadleaf and bamboo forest is habitat for a poor diversity of small mammals. The study results have provided helpful information on status, distribution based on habitat of small mammals which effectively contribute to forest resources conservation in Vu Quang National Park.

Keywords: Biodiversity, conservation, small mammal, Vu Quang.

Người phản biện : PGS.TS. Đồng Thanh Hải

Ngày nhận bài : 08/11/2016

Ngày phản biện : 15/11/2016

Ngày quyết định đăng : 22/11/2016